

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hào

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Ông Nguyễn Văn Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Minh T; nơi cư trú: Đường M, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H; nơi cư trú: Đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 5 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2017 tại Ủy

ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Chị T và anh H hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/12/2017. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Minh T nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2017 tại Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2018, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sống, chị T và anh H sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay, anh cũng xác định tình cảm không còn, chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/12/2017. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn H đồng ý việc chị Nguyễn Minh T nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại các buổi hòa giải, chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H thống nhất thuận tình ly hôn; về việc chia tài sản, chị T và anh H thống nhất tự thỏa thuận,

không yêu cầu Tòa án giải quyết; về việc nuôi con, chị T đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi, ý kiến của anh H là đề nghị Tòa án ghi nhận vào quyết định là giao con cho anh H nuôi nhưng thực tế anh H đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, đến khi con đủ 07 tuổi, nếu con có nguyện vọng được ở với mẹ thì anh H sẽ giao con lại cho chị T nuôi.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Nguyễn Văn H giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn; về việc nuôi con, anh H đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về việc chia tài sản, anh H và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, xử cho chị Nguyễn Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Về việc nuôi con: Giao con Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản: Chị T và anh H tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Minh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị T và anh H qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế, thể hiện quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và quá trình giải quyết vụ án, anh H đều đồng ý ly hôn nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/12/2017. Xét thực tế, cháu K hiện còn nhỏ và đang sống với mẹ; chị T có thu nhập ổn định; khi nuôi con trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị T vẫn tạo điều kiện để anh H được quan tâm, chăm sóc con; bản thân anh H tại các buổi hòa giải cũng nêu rõ quan điểm mong muốn Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con trên pháp lý chứ anh vẫn đồng ý để chị T nuôi con trên thực tế. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con cho chị T nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn nên mỗi người phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T và anh H thỏa thuận chị T nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

2. Về việc nuôi con: Giao con Nguyễn Minh K, sinh ngày 20/12/2017 cho chị Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Minh T nhận nộp cả 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Minh T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007023 ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Minh T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Minh T, bị đơn anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Dương sự;
- UBND phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 20/12/2017);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hảo